

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM MAN POWER AND INTERNATIONAL COMMERCIAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VINAMIC.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107793369

3. Ngày thành lập: 05/04/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 9, ngõ 64 Thạch Bàn, tổ 3, Phường Thạch Bàn, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0963 797 288

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
2.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
3.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
4.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
5.	Bán buôn thực phẩm	4632
6.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
7.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
8.	Bán buôn đồ uống	4633
9.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
10.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
11.	Cho thuê xe có động cơ	7710
12.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
13.	Quảng cáo	7310
14.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
15.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
16.	Phá dỡ	4311
17.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
18.	Bán buôn tổng hợp	4690
19.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

20.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
21.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
22.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830(Chính)
23.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động tư vấn, giới thiệu và môi giới, lao động việc làm	7810
24.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: + Tư vấn giáo dục, + Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục,	8560
25.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
26.	Giáo dục tiểu học	8520
27.	Giáo dục nghề nghiệp Chi tiết: Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp Dạy nghề	8532
28.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
29.	Thu gom rác thải độc hại	3812
30.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
31.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
32.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
33.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
34.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô;	4932
35.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;	4933
36.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551

37.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe; - Dạy bay; - Đào tạo tự vệ; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	8559
38.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
39.	Xây dựng công trình công ích	4220
40.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hoà không khí	4322
41.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
42.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
43.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
44.	Nuôi trồng thuỷ sản biển	0321
45.	Nuôi trồng thuỷ sản nội địa	0322
46.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
47.	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản	1020
48.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
49.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
50.	Khai thác và thu gom than non	0520
51.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
52.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620

53.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; - Bán buôn xi măng; - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; - Bán buôn kính xây dựng; - Bán buôn sơn, véc ni; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; - Bán buôn đồ ngũ kim;	4663
54.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
55.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
56.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
57.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý;	4610
58.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
59.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
60.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
61.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	8299
62.	Đại lý du lịch Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, kinh doanh lữ hành quốc tế;	7911
63.	Điều hành tua du lịch	7912
64.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
65.	Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông	8531
66.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
67.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động phiên dịch - Hoạt động môi giới thương mại	7490
68.	Xây dựng nhà các loại	4100
69.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình công nghiệp, - Xây dựng công trình cửa; - Xây dựng đường hầm;	4290
70.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
71.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
72.	Khai thác và thu gom than bùn	0892

73.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
74.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
75.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
76.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ;	4210
77.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
78.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
79.	Khai thác quặng sắt	0710

6. Vốn điều lệ: 6.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TÓNG THỊ THU MAI	Số 264/7/3B, khu phố 5, Phường Trung Dũng, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	25,000	271792489	
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	25,000		
2	PHAN VĂN CƯỜNG	Số 116A, ngõ 169 Tây Sơn, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	25,000	013341988	
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	25,000		
3	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	Xóm 4, Xã Việt Tiến, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	25,000	121602605	
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	25,000		
4	TRẦN NGỌC LINH	Phòng 1301, chung cư 195 Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	25,000	011904106	
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	25,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN NGỌC LINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/01/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 011904106

Ngày cấp: 12/04/2010

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 1301, chung cư 195 Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Phòng 1301, chung cư 195 Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội